

LUẬN A TỖ ĐẠT MA ĐẠI TỖ BÀ SA

QUYỂN 12

LUẬN VỀ TRÍ (Phần 4)

Hỏi: Bồ-đặc-già-la đã không thể nào đạt được, lại không có lý nào tâm trước hướng về tâm sau, nhờ vào đâu có thể nhớ lại những việc đã làm trước đây?

Đáp: Hữu tình đối với pháp, nhờ vào năng lực luyện tập thuần thực, đạt được trí đồng phần như vậy, tùy theo sự việc đã trải qua mà có thể biết như vậy.

Hỏi: Trước nói không có Bồ-đặc-già-la, nay sao lại nói hữu tình đối với pháp?

Đáp: Trước dựa vào ý tưởng Thánh đạo mà nói ra rõ ràng, nay dựa vào ý tưởng thế gian mà nói ra rõ ràng; trước dựa vào ngôn từ Thánh đạo mà trình bày rõ ràng, nay dựa vào ngôn từ thế gian mà trình bày rõ ràng; trước dựa vào thẳng người, nay dựa vào thế tục. Có người nói: Bởi vì thuận theo văn, nếu nói pháp đối với nghĩa tuy là thuận, nhưng đối với văn thì không thuận; nếu nói hữu tình đối với pháp, thì văn nghĩa đều thuận, cho nên dựa vào lý thế tục nói có hữu tình. Có người nói: Bởi vì phát sinh hiểu biết, nếu nói pháp đối với pháp thì đệ tử không hiểu rõ ràng, cái gì có thể nhớ lại cái gì? Nếu nói hữu tình đối với pháp thì đệ tử sẽ hiểu rằng hữu tình nhớ lại pháp.

Hữu tình đối với pháp, nhờ vào năng lực luyện tập thuần thực, đạt được trí đồng phần như vậy, nghĩa là trí của hữu tình đối với pháp đã nhận biết, quyết định luyện tập xuyên suốt, tùy theo ý muốn tự tại trước sau tương tự, cho nên gọi là đồng phần. Tùy theo sự việc đã trải qua mà có thể biết như vậy, nghĩa là tùy theo những điều đã thấy trước kia, tùy theo những điều đã cảm thọ trước kia mà có thể nhớ lại như vậy. Có người nói: Văn này nên nói như vậy: Tùy theo hết thấy mọi việc mà có thể biết như vậy. Nghĩa là tùy theo tất cả thể-tất cả tướng-tất cả Ngã-tất

cả vật-tất cả tánh-tất cả phần vốn có, có thể nhớ lại như vậy. Có người nói: Văn này nên nói như vậy: Tùy theo những sự việc tồn tại mà có thể biết như vậy. Nghĩa là tùy theo sắc biểu hiện đã tồn tại ban đầu, tùy theo sắc hiện ra đã tồn tại ban đầu..., có thể nhớ lại như vậy. Vì làm cho nghĩa lý này được rõ ràng, cho nên đưa ra thí dụ đời hiện tại, nghĩa là như có hai người làm con dấu, có thể hiểu rõ ràng chữ trên con dấu của mình và người đã làm, tuy hai người ấy không đến hỏi nhau rằng ông khắc chữ này như thế nào, cũng không trả lời nhau rằng tôi khắc chữ này như vậy. Nhưng mà hai người kia nhờ vào năng lực luyện tập thuần thực mà đạt được trí đồng phần như vậy, có thể hiểu rõ ràng chữ trên con dấu của mình và người đã làm. Hữu tình cũng như vậy, nhờ vào năng lực luyện tập thuần thực, cho đến nói rộng. Trong này, người có thể viết được thì đều gọi là người làm con dấu. Như hai người ấy tuy không hỏi nhau cũng không trả lời nhau, mà nhờ vào năng lực luyện tập thuần thực đạt được trí đồng phần như vậy, có thể hiểu rõ ràng chữ trên con dấu của mình và người đã làm, cho đến thư gửi về từ nước ngoài cũng có thể đọc hiểu và nhận biết. Hữu tình cũng như vậy, tuy không có Bồ-đặc-già-la chân thật, cũng không có lý nào tâm trước hướng về tâm sau, nhưng nhờ vào năng lực luyện tập thuần thực đạt được trí đồng phần như vậy, tùy theo sự việc đã trải qua mà có thể biết như vậy. Lại làm cho nghĩa này càng rõ ràng hơn, cho nên đưa ra thí dụ thứ hai. Lại như có hai người biết tâm người khác, cũng biết tâm của nhau, tuy hai người ấy không đến hỏi nhau rằng làm sao ông biết được tâm tôi, cũng không trả lời nhau rằng tôi biết tâm ông như vậy. Nhưng mà hai người ấy nhờ vào năng lực luyện tập thuần thực, đạt được trí đồng phần như vậy, biết được tâm của nhau. Hữu tình cũng như vậy, nhờ vào năng lực huân tập xuyên suốt, cho đến nói rộng ra. Trong này, người biết được tâm người khác gọi là người đạt được Tha tâm thông. Như hai người ấy tuy không hỏi nhau cũng không trả lời nhau, nhưng nhờ vào năng lực huân tập thành thói quen, đạt được trí đồng phần như vậy, cùng biết tâm của nhau, thậm chí cách xa cả trăm du-thiện-na mà cũng biết được tâm của nhau. Hữu tình cũng như vậy, tuy không có Bồ-đặc-già-la chân thật, cho đến nói rộng ra.

Hỏi: Nếu tâm khác nhau đã trải qua thì tâm khác nhau có thể nhớ lại, tại sao không phải Thiên Thụ đã trải qua thì Từ Thụ có thể nhớ lại, Từ Thụ đã trải qua thì Thiên Thụ có thể nhớ lại chẳng? Đáp: Bởi vì sự tương tục kia khác nhau, mà tâm trước tâm sau tương tục không có gì khác nhau, không cần phải chất vấn làm gì. Có người nói: tâm ấy hướng

về nhau mà không có nghĩa của nhân. Tâm trước có thể làm nhân cho tâm sau, không cần phải chất vấn làm gì. Có người nói: Thân tâm hai người kia không thuộc về nhau, thân tâm trước sau đã thuộc về kế tiếp nhau, cho nên trước đã trải qua thì sau có thể nhớ lại. Hỏi: Nếu tâm thuộc về nhau thì có thể nhớ lại, sao không thấy con trâu khác mà nhớ lại đúng con trâu trước?

Đáp: Nếu như đã từng tiếp nhận, nay thấy tương tự thì có thể nhớ lại. Nếu như tuy đã từng tiếp nhận, nhưng nay thấy không tương tục thì không có thể nhớ lại được. Phạm vi đầu ngày đã trải qua thì phạm vi cuối ngày có thể nhớ lại, phạm vi cuối ngày đã trải qua thì phạm vi đầu ngày có thể nhớ lại, bởi vì thân đã thấy trước sau tương tự nhau.

Lại nữa, tất cả tâm-tâm sở pháp, đối với sở duyên thì chắc chắn an trú trong sở duyên chăng? Ở đây đã hỏi là căn bản của thắng nghĩa. Đáp: Nguyên cơ thế nào? Như trong phần kiến uẩn nói: “Nếu pháp làm sở duyên cho pháp kia, thì có lúc không làm sở duyên cho phía kia chăng?”

Đáp: Không lúc nào chẳng phải là sở duyên, bởi vì tâm-tâm sở xác định đối với sở duyên, an trú trong sở duyên không thể nào di chuyển.” Vì vậy có thể nhớ lại những việc đã làm trước đây. Nghĩa là đối với nên sở duyên có vô lượng tập hợp tâm-tâm sở, duyên nên sở duyên này như dùng lý thú này-dùng tánh loại này-dùng phương pháp này, làm quan hệ sở duyên cho nên tập hợp tâm-tâm sở; cùng với vô lượng tập hợp tâm-tâm sở khác, làm quan hệ sở duyên cũng như vậy. Như nên tập tâm-tâm sở, dùng lý thú này-dùng tánh loại này-dùng phương pháp này, tiếp nhận sở duyên; vô lượng tập hợp tâm-tâm sở khác, tiếp nhận sở duyên này cũng như vậy. Ví như nên người mà có trăm người con, nên người này như quan hệ làm cha đối với nên người con, đối với những người con khác cũng như vậy. Như nên người con có quan hệ làm con đối với người cha, những người con khác đối với người cha cũng như vậy. Trong này, nhãn thức và pháp tương ứng nhất định đối với sắc sở duyên. Sắc này làm sở duyên cho nhãn thức và pháp tương ứng, thì không có lúc nào chẳng phải là sở duyên; cho đến pháp này làm sở duyên cho ý thức và pháp tương ứng, thì không có lúc nào chẳng phải là sở duyên. Bởi vì tất cả tâm-tâm sở pháp, đều có thể tiếp nhận sở duyên của mình do đó không có tập hợp tâm nào khác đã trải qua, mà tập hợp tâm khác có thể nhớ lại được.

Hỏi: Thế nào là tâm-tâm sở pháp nhất định đối với sở duyên, là nhất định đối với nơi chốn, là nhất định đối với những màu sắc xanh-

vàng... hay là nhất định đối với sát-na?

Đáp: Trong này có nói, chỉ nhất định đối với nơi chốn. Nguyên cơ thể nào? Bởi vì không có vô lượng tâm pháp, trú trong pháp không sinh khởi.

Hỏi: Thế nào là nhất định đối với nơi chốn? Đáp: Nhãn thức và pháp tương ứng nhất định đối với Sắc, cho đến thân thức và pháp tương ứng nhất định đối với Xúc xứ, ý thức và pháp tương ứng nhất định đối với Pháp xứ... Như nên nhãn thức, nếu gặp màu xanh hòa hợp hiện tiền thì duyên với màu xanh mà khởi; nếu gặp các màu vàng-đỏ... hòa hợp hiện tiền thì duyên với màu vàng-đỏ... mà khởi. Như vậy các thứ khác cũng chỉ nhất định nơi chốn đối với sở duyên của mình. Điều ấy không nên nói như thế. Nguyên cơ thể nào? Bởi vì nếu như vậy thì nên Giác sẽ có nhiều tánh hiểu rõ, nên pháp có nhiều Thể thì không hợp với đạo lý. Trong luận Thức Thân Túc nói lại thông hiểu như thế nào? Như nói: “Nhãn thức quá khứ chỉ duyên với sắc quá khứ, chứ không phải là vị lai-hiện tại.” Có nơi khác muốn ngăn ngừa cái biết sai lầm này, nói là tâm-tâm sở pháp nhất định nơi chốn đối với sở duyên, cũng nhất định đối với những màu sắc xanh-vàng..., chứ không nhất định đối với sát-na. nguyên cơ thể nào? Bởi vì không có vô lượng tâm-tâm sở pháp, trú trong pháp không sinh khởi.

Hỏi: Thế nào là cũng nhất định đối với những màu sắc xanh-vàng...?

Đáp: Tâm và tâm sở, duyên với những màu sắc xanh-vàng... thì Thể của nó đều khác nhau; nếu gặp màu xanh hòa hợp hiện tiền thì sinh khởi, tâm-tâm sở pháp duyên với màu xanh; nếu gặp những màu vàng-đỏ hòa hợp hiện tiền thì sinh khởi, tâm-tâm sở pháp duyên với những màu vàng-đỏ. Điều ấy cũng không nên nói như vậy. Nguyên cơ thể nào? Bởi vì màu xanh có nhiều loại, đó là gốc xanh-thân xanh-cành xanh-lá xanh-hoa xanh-quả xanh, những màu vàng-đỏ... cũng như vậy. Thuận theo cảm giác duyên với các gốc tức là cảm giác duyên với các thân, nếu như vậy thì nên cảm giác có nhiều tánh hiểu biết, nên pháp có nhiều Thể thì không hợp với đạo lý, cũng trái ngược với luận Thức Thân Túc đã nói, như trước đã nói. Nói như vậy thì tâm-tâm sở pháp nhất định đối với ba sự.

Hỏi: Nếu như vậy thì thuận theo vô lượng tâm-tâm sở pháp, trú trong pháp không sinh khởi chẳng?

Đáp: Điều này có gì sai lầm? Đời vị lai rộng rãi không có nơi chốn dung nạp chẳng? Nhưng mà pháp ấy từ xưa đến nay đã có trú xứ, cho

nên không cần phải chất vấn.

Hỏi: Tâm-tâm sở pháp, như nhất định đối với sở duyên, đối với sở y cũng nhất định hay sao? Giả sử như vậy thì có gì sai? Nếu đối với sở y cũng nhất định, thì tại sao trong đây chỉ nói nhất định đối với sở duyên, chứ không nói đến nhất định đối với sở y? trong luận Phẩm Loại Túc nói thì phải thông hiểu thế nào? Như nói: “Thế nào là pháp cùng có?”

Đáp: Tất cả pháp hữu lậu, và pháp hữu lậu cùng sinh ra pháp vô lậu.”

Nếu không nhất định đối với sở y, thì tại sao nhất định đối với sở duyên, nhưng không nhất định đối với sở y vậy?

Đáp: Đối với sở y cũng nhất định, nhưng tâm-tâm sở pháp, ở đời vị lai cách xa với sở y, hiện tại-quá khứ cùng có chung sở y. Có người nói: Ba đời đều có chung sở y.

Hỏi: Nếu như vậy thì tại sao trong này không nói?

Đáp: Trong này chỉ muốn nói đến sự nhớ lại đã làm trước đây, mà những điều nhớ lại ấy, vốn là sở duyên chứ không phải là sở y. hỏi: Trong luận Phẩm Loại Túc nói thì phải thông hiểu thế nào?

Đáp: Văn luận ấy nên nói thế này: “Thế nào là pháp cùng có?”

Đáp: Tất cả pháp hữu vi.” Nhưng mà không nói như vậy, là luận văn ấy biểu hiện rõ ràng có tác dụng của Thánh đạo, chứ không nói là không có tác dụng, cho nên không trái nhau. Có người nói văn luận ấy biểu hiện rõ ràng về Thánh đạo, dựa vào tha lực mà đạt được, dựa vào tha lực mà phát khởi, cho nên chỉ nói cùng sinh với pháp hữu lậu.

Hỏi: Nếu tâm-tâm sở pháp, nhất định đối với sở duyên cũng nhất định đối với sở y, thì lúc ấy ở phần vị nào chọn lấy sở duyên vậy? Là vào lúc sinh ra, hay là vào lúc diệt đi? Giả sử như vậy thì có gì sai? Nếu lúc sinh ra thì lúc sinh ra thuộc về vị lai, làm sao pháp vị lai có thể có những tạo tác? Nếu lúc diệt đi thì lúc diệt đi các pháp sẽ suy sụp hủy hoại, làm sao ở phần vị này có thể chọn lấy sở duyên được?

Đáp: cần phải nói là lúc diệt diệt đi.

Hỏi: Làm sao pháp suy sụp hủy hoại mà có thể chọn lấy sở duyên được?

Đáp: Các pháp hữu vi bởi vì tánh yếu kém, không dựa vào chính mình, dựa vào nơi khác mà chuyển, không có tác dụng, không được tự tại, tùy theo phần vị nào, nếu gặp được sở y và sở duyên hòa hợp thì ở tại phần vị ấy, có thể chọn lấy sở duyên, nhưng chỉ vào lúc diệt đi mới có sự hòa hợp này. Có người nói lúc sinh ra là đời vị lai, bởi vì các pháp vị lai không có tác dụng, cho nên không có thể chọn lấy sở duyên; lúc

diệt đi là đời hiện tại, bởi vì các pháp hiện tại vốn có tác dụng, cho nên có thể chọn lấy sở duyên. Nếu lúc diệt đi không chọn lấy sở duyên thì tâm-tâm sở pháp cuối cùng không có thể chọn lấy sở duyên. Đừng phát sinh sai lầm này, cho nên vào lúc diệt đi có thể chọn lấy sở duyên.

Lại bởi vì ý cảm thọ làm sức mạnh của nhân, thì niệm không quên mất. Nên biết trong này, tập hợp tâm sinh khởi trước lấy âm Ý mà nói, tập hợp tâm sinh khởi sau lấy mà Niệm mà nói. Nhưng ý cảm thọ có hai loại:

1. Ý cảm thọ hành tướng.
2. Ý cảm thọ sở duyên.

Lại như đối với Nhãn tạng thượng có hai tâm. Cảm thọ thành tướng ấy mà không cảm thọ sở duyên ấy, nghĩa là Khổ loại trí nhãn và Khổ loại trí tương ứng có hai tâm. Cảm thọ sở duyên ấy mà không cảm thọ hành tướng ấy, nghĩa là Tập pháp trí nhãn và tập pháp trí tương ứng có ba tâm. Cảm thọ hành tướng ấy cũng cảm thọ sở duyên ấy, nghĩa là Thế đệ nhất pháp-Khổ pháp trí nhãn và khổ pháp trí tương ứng với tâm khác. Không cảm thọ hành tướng ấy cũng không cảm thọ sở duyên ấy, nghĩa là Nhãn trí khác tương ứng. Như đối với Nhãn tạng thượng, đối với tâm khác tùy theo sự thích hợp nói rộng ra cũng như vậy.

Cảm thọ hành tướng đã trải qua-cảm thọ sở duyên có thể nhớ lại, cảm thọ sở duyên đã trải qua-cảm thọ hành tướng có thể nhớ lại. Lại có hai loại ý:

1. Nhiễm ô.
2. Không nhiễm ô.

Mỗi nên đã trải qua hai loại có thể nhớ lại. Lại có ba loại ý:

1. Thiện.
2. Bất thiện.
3. Vô ký.

Mỗi nên đã trải qua ba loại có thể nhớ lại. Lại có bốn loại ý:

1. Thiện.
2. Bất thiện.
3. Hữu phú vô ký.
4. Vô phú vô ký.

Mỗi nên đã trải qua bốn loại có thể nhớ lại. Lại có bốn loại ý:

1. Nhân của nó.
2. Đẳng vô gián của nó.
3. Sở duyên của nó.
4. Tăng thượng của nó.

Mỗi nên đã trải qua bốn loại có thể nhớ lại. Lại có năm loại ý: Đó là do kiến khổ mà đoạn cho đến do tu mà đoạn. Trong này, do kiến khổ mà đoạn đã trải qua năm loại có thể nhớ lại, do kiến tập-tu mà đoạn đã trải qua cũng như vậy. Do Diệt mà đoạn đã trải qua bốn loại có thể nhớ lại, trừ ra do kiến đạo mà đoạn. Do kiến đạo mà đoạn đã trải qua bốn loại có thể nhớ lại, trừ ra do kiến Diệt mà đoạn.

Lại có năm loại ý:

1. Thiện.
2. Bất thiện.
3. Hữu phú vô ký.
4. Như lý đã dẫn dắt vô phú vô ký.
5. Không như lý đã dẫn dắt vô phú vô ký.

Trong này, có người nói: Thiện đã trải qua hai loại có thể nhớ lại, đó là thiện và như lý đã dẫn dắt vô phú vô ký. Như lý đã dẫn dắt vô phú vô ký đã trải qua cũng như vậy. Bất thiện đã trải qua ba loại có thể nhớ lại, đó là bất thiện-hữu phú vô ký và không như lý đã dẫn dắt vô phú vô ký. Hữu phú vô ký và không như lý đã dẫn dắt vô phú vô ký đã trải qua cũng như vậy. Như vậy nói rằng: Mỗi nên đã trải qua năm loại có thể nhớ lại.

Lại có sáu loại ý, đó là nhãn thức cho đến ý thức. Năm thức đã trải qua thì ý thức có thể nhớ lại, ý thức đã trải qua thì sáu thức có thể nhớ lại.

Lại có mười hai loại ý, cõi Dục có bốn, đó là thiết-bất thiện-hữu phú vô ký và vô phú vô ký; cõi Sắc có ba, đó là bốn loại trước trừ ra bất thiện; cõi Vô sắc cũng như vậy; Vô lậu có hai, đó là học và Vô học. Thiện của cõi Dục đã trải qua mười hai loại có thể nhớ lại. Bất thiện và thiện của cõi Sắc đã trải qua cũng như vậy. Hữu phú vô ký của cõi Dục đã trải qua tám loại có thể nhớ lại, đó là trừ ra hữu phú vô ký của cõi Sắc và ba loại của cõi Vô sắc. Vô phú vô ký của cõi Dục đã trải qua cũng như vậy. Hữu phú vô ký của cõi Sắc đã trải qua mười loại có thể nhớ lại, trừ ra hai loại vô ký của cõi Dục. Thiện của cõi Vô sắc đã trải qua cũng như vậy. Vô phú vô ký của cõi Sắc đã trải qua mười loại có thể nhớ lại, trừ ra hai loại vô ký của cõi Vô sắc. Hữu phú vô ký của cõi Vô sắc đã trải qua chín loại có thể nhớ lại, trừ ra hai loại vô ký của cõi Dục và vô phú vô ký của cõi Sắc. Vô phú vô ký của cõi Vô sắc đã trải qua cũng như vậy. Học đã trải qua mười nên loại có thể nhớ lại, trừ ra hữu phú vô ký của cõi Dục. Vô học đã trải qua, nếu lui sụt pháp thì như Học đã nói, nếu không lui sụt pháp thì có bảy loại có thể nhớ lại, trừ ra

Học và bốn nhiệm ô. Nhờ vào ý cảm thọ trước đây làm sức mạnh của nhân, đối với sở duyên của nó dẫn dắt sinh ra niệm sau. Không quên, nghĩa là tâm không cuồng loạn, không bị khổ làm cho bức bách. Tôn giả Thế Hữu nói rằng: “Nhờ vào ba nhân duyên nhớ lại việc đã làm trước đây:

1. Khéo léo chọn lấy tướng trước đây.
2. Đồng phần nối tiếp nhau hiện hành.
3. Không mất ý niệm.” Vì vậy, tuy không có Bồ-đặc-già-la, cũng không có lý nào tâm trước hướng về tâm sau, nhưng mà có thể nhớ lại những việc đã làm trước đây.

Hỏi: Vì sao hữu tình quên mà lại nhớ?

Đáp: Lúc đồng phần của hữu tình nối tiếp nhau chuyển đổi, đối với pháp có thể khởi lên trí kiến liên tục với nhau. Trong này, quên (Vong) là nghĩa của lạc mất ý niệm (Thất niệm), chứ không phải là nghĩa của sự không nhớ nghĩ. Nguyên cố thế nào? Bởi vì không có nên pháp nhỏ nào gọi là không nhớ nghĩ. Đồng phần có ba loại, đó là gia hạnh đồng phần-sở duyên đồng phần và tùy thuận đồng phần. Gia hạnh đồng phần, như có người đã đọc tạng Tố-đát-lãm, giữa chừng quên mất, sau đó nhờ gia hạnh đã làm như trước cũng được nhớ lại; trước đã đọc tạng Tỳ-nại-da và tạng A-tỳ-đạt-ma cũng như vậy. Như vậy, trước khởi lên quán bất tịnh, giữa chừng quên mất, sau đó nhờ gia hạnh đã làm như trước vẫn được nhớ lại; trước khởi lên trì tức niệm-giới phương tiện cũng như vậy.

Từng nghe có người Bà-la-môn, trước thuộc lòng được sách Tứ-phệ-đà, giữa chừng quên mất, lại ôn tập thuộc lòng mà tất cả phương pháp ấy không thể nào thông suốt lưu loát được, liền đi đến chỗ Thầy kể lại đầy đủ nhân duyên. Thầy liền hỏi rằng: Lúc trước ông học thuộc dùng gia hạnh gì? Trả lời rằng: Lúc trước đây tay cầm dây miệng đọc to. Thầy nói: Ông nên như gia hạnh trước đây. Người ấy nghe lời dạy của Thầy mà thực hành thì tất cả đều nhớ lại.

Sở duyên đồng phần, như có người trước đây thấy vườn rừng-khe suối-ao hồ-hang động và những nơi đã đi qua như vậy, giữa chừng quên mất, sau đó vào lúc thấy những vườn rừng... tương tự thì tất cả đều nhớ lại. Tùy thuận đồng phần, như được tùy thuận với những đồ ăn thức uống-áo quần-đồ nằm-nhà cửa-người nói pháp... thì có thể nhớ lại những sự việc đã trải qua trước đây.

Từng nghe có nên Tỳ-kheo, trước đó thuộc lòng được Tứ A-kiệp-ma (Tứ A-hàm), giữa chừng quên mất, ôn tập học lại tất cả nhưng

phương pháp ấy không thể nào thông suốt lưu loát được, liền đi đến chỗ Tôn giả A-nan-đà, hỏi về nhân duyên ấy. Tôn giả đáp rằng: Nay ông đến phòng tắm để tắm rửa và lấy dầu xoa vào thân, tìm những loại tùy thuận như áo quần-đồ ăn-thức uống-đồ nằm-nhà cửa-người nói pháp... Tỳ-kheo y theo lời dạy thì tất cả đều thông suốt lưu loát trở lại.

Như vậy, lúc đồng phần nối tiếp nhau chuyển đổi, đối với pháp có thể khởi lên trí nhận biết liên tục với nhau.

Hỏi: Khởi lên cái gì liên tục với nhau?

Đáp: Ba loại đồng phần có sai khác. Đọc tụng là nói đối với pháp có thể khởi lên trí nhận thấy liên tục với nhau, chính là nghĩa khởi lên trí nhận thấy nối tiếp nhau không gián đoạn qua thời gian dài. Lại có lúc đọc tụng là nói đối với pháp có thể khởi lên trí nhận thấy theo thứ tự, tức là nghĩa khởi lên trí nhận thấy sắp xếp rộng khắp tất cả mọi nơi. Lại có lúc đọc tụng là nói đối với pháp có thể khởi lên trí nhận thấy không ngăn ngại gì, tức là nghĩa khởi lên trí nhận thấy không đình trệ-không vướng mắc-không gián đoạn. Lại có lúc đọc tụng là nói đối với pháp có thể khởi lên trí nhận thấy không chướng ngại gì, tức là nghĩa khởi lên trí nhận thấy xa lìa chướng ngại-điều phục mà sửa trị hơn hẳn mọi oán địch. Lại bởi vì ý cảm thọ làm sức mạnh của nhân, thì niệm không quên mất. Nên biết trong này, tập hợp tâm sinh khởi trước lấy tâm ý mà nói, tập hợp sinh khởi sau lấy âm Niệm mà nói, nói về ý cảm thọ như trước đã giải thích. Nhờ vào ý cảm thọ trước làm sức mạnh của nhân, hưởng về sở duyên của nó, dẫn dắt sinh ra niệm sau, trung gian tuy quên mất nhưng mà sau đó nhớ lại, nói về không quên mất như trước đã giải thích.

Hỏi: Vì sao hữu tình nhớ mà lại quên?

Đáp: Lúc dị phần (phần khác nhau) của hữu tình nối tiếp nhau chuyển biến, đối với pháp không dấy khởi trí luận thấy liên tục với nhau. Trong này, quên mất là nghĩa của lạc mất ý niệm, nói rộng như trước. Dị phần có ba loại, đó là gia hạnh dị phần-sở duyên dị phần và tùy thuận dị phần.

Gia hạnh dị phần, như có người trước đã đọc thông tạng Tố-đát-lãm, giữa chừng quên mất, rời bỏ mà tiếp tục đọc tạng Tỳ-nại-da, hoặc là tạng A-tỳ-đạt-ma cuối cùng cũng không nhớ; trước đã đọc thông tạng Tỳ-nại-da và tạng A-tỳ-đạt-ma cũng như vậy. Như vậy, trước khởi lên quán bất tịnh, giữa chừng quên mất, rời bỏ mà tiếp tục khởi lên trì tức niệm, hoặc là giới phương tiện cuối cùng cũng không nhớ; trước khởi lên trì tức niệm-giới-phương tiện cũng như vậy. Sở duyên dị phần, như

có người trước đây thấy vườn rừng-khe suối-ao hồ-hang động và những nơi đã đi qua như vậy, giữa chừng quên mất, sau lại không thấy tướng trạng tương tự kia nữa, đối với những gì đã trải qua trước đây không còn có thể nhớ lại. Tùy thuận dị phần, như có người không có được sự tùy thuận như đồ ăn thức uống-áo quần-đồ nằm..., đối với những gì đã trải qua trước đây không còn có thể nhớ lại. Như vậy, lúc dị phần nối tiếp nhau chuyển biến, đối với pháp không dấy khởi trí nhận thấy liên tục với nhau.

Hỏi: Không dấy khởi cái gì liên tục với nhau?

Đáp: Ba loại đồng phần, trong này cũng có bốn loại đọc tụng khác nhau, cùng với trước trái ngược nhau, cần phải nói rộng ra. lại bởi vì ý cảm thọ làm nhân yếu kém, thì niệm liền quên mất. Nên biết trong này, tập hợp tâm sinh khởi trước lấy âm Ý mà nói, tập hợp sinh khởi sau lấy âm Niệm mà nói, nói về ý cảm thọ thì giải thích như trước. Bởi vì ý cảm thọ trước làm nhân yếu kém, đối với sở duyên của nó không sinh ra niệm sau, giữa chừng tuy nhớ mà sau lại quên mất, quên mất có nghĩa là tâm cuồng loạn bị bức bách bởi cảm thọ khổ đau.

Tôn giả Thế Hữu nói rằng: “Do ba nhân duyên mà niệm liền quên mất:

1. Không khéo léo chọn lấy tướng trước đây.
2. Dị phần nối tiếp nhau hiện hành hành.
3. Vì lạc mất ý niệm.”

Lại đưa ra cách nói này: “Do tám nhân duyên mà niệm liền quên mất:

1. Lúc sinh ra bị nỗi khổ của sinh bức bách cho nên niệm liền quên mất.
2. Lúc chết đi bị nỗi khổ của chết bức bách cho nên quên mất.
3. Bởi vì nhiều lời nói khác đang hiện hành.
4. Bởi vì căn chậm lụt dựa vào trí khác.
5. Bởi vì sinh vào nẻo không yêu thích bị bức bách bởi cảm thọ khổ đau.
6. Năm căn hướng về cảnh rong ruổi tản mát không ngừng sinh ra nhiều phóng túng.
7. Phiền não chướng ngại chồng chất liên tục hiện hành.
8. Không thường xuyên tu định cho nên tâm tán loạn thì niệm liền quên mất.”

Hỏi: Những trí nào đã trải qua mà niệm có quên mất, do Văn mà thành, do Tư mà thành, do Tu mà thành, hay là sinh đạt được...?

Đáp: Có người nói: Do Văn-Tư mà thành và Sinh đạt được... đã trải qua thì niệm có quên mất, chứ không phải do Tu mà thành, bởi vì nhờ định lực giữ gìn mà không quên mất. Có người nói: Do Tu mà thành đã trải qua cũng có quên mất, bởi vì thân yếu đuối. Nghĩa là có đạt được định mà thân yếu đuối; tâm cũng yếu đuối, cho nên trí ấy trải qua cũng có quên mất.

Hỏi: Nơi nào có quên mất ý niệm vậy?

Đáp: Ở cõi Dục, không phải là cõi Sắc-Vô sắc; ở trong năm nẻo đều có quên mất ý niệm. Có người nói: Địa ngục không có quên mất ý niệm, bởi vì luôn luôn quên mất.

Hỏi: Những hạng Bồ-đặc-già-la nào có quên mất ý niệm?

Đáp: Dị sinh và Thánh giả đều có quên mất ý niệm. Trong hàng Thánh giả thì Dự lưu, Nhất lai, Bất hoàn, A-la-hán, Độc giác đều có quên mất ý niệm, chỉ ngoại trừ Đức Thế Tôn, bởi vì Đức Phật thành tựu pháp không còn quên mất.

Hỏi: Làm sao biết như vậy?

Đáp: Lấy kinh làm hạn lượng. Như nói: “Này Xá-lợi-tử! giả sử các chúng Tỳ-kheo, dùng giường tòa gánh Ta trải qua trăm năm, muốn làm cho trí tuệ biện tài Vô thượng của Như-lai, có giảm mất nên chút ít, thì không hề có điều này.” Vì vậy biết là Đức Phật đầy đủ pháp không còn quên mất.

Như thí dụ về dấu chân voi (Tượng tích), trong kinh nói: “Xá-lợi-tử nói: Nếu như ý xứ bên trong không làm hỏng pháp xứ bên ngoài, thì hiện tiền và có thể sinh ra tác ý chính thức đầy khởi, lúc ấy ý thức sinh ra.”

Hỏi: Ý hủy hoại thế nào?

Đáp: Có ba loại hủy hoại:

1. Hủy hoại trong thời gian ngắn.
2. Hủy hoại khi chúng đồng phần không còn.
3. Hủy hoại đến tận cùng.

Hủy hoại trong thời gian ngắn, nghĩa là tâm thiện không gián đoạn, tâm bất thiện và vô ký hiện tiền, lúc ấy gọi là tâm thiện tạm thời bị hủy hoại; cho đến tâm vô ký không gián đoạn, tâm thiện và bất thiện hiện tiền, lúc ấy gọi là tâm vô ký tạm thời bị hủy hoại. Như vậy tâm của cõi Dục không gián đoạn, tâm của cõi Sắc và không hệ thuộc hiện tiền, lúc ấy gọi là tâm cõi Dục tạm thời bị hủy hoại, cho đến tạm thời không hệ thuộc không gián đoạn, tâm của ba cõi hiện tiền, lúc ấy gọi là tâm không hệ thuộc tạm thời bị hủy hoại. Nếu tiến vào định Vô tướng-Diệt

tận và Đẳng chí, thì lúc ấy gọi là tất cả các tâm tạm thời bị hủy hoại. Hủy hoại khi chúng đồng phần không còn, nghĩa là đoạn mất thiện căn, tâm thiện có hủy hoại khi chúng đồng phần không còn; dị sinh lia dục nhiễm, tâm bất thiện có hủy hoại khi chúng đồng phần không còn... Hủy hoại đến tận cùng, nghĩa là khổ trí đã sinh mà Tập trí chưa sinh, tâm ba cõi do kiến Khổ mà đoạn bị hủy hoại đến tận cùng; cho đến Diệt trí đã sinh mà đạo trí chưa sinh, tâm ba cõi do kiến Khổ-Tập-Diệt mà đoạn bị hủy hoại đến tận cùng. Hàng dự lưu thì tâm ba cõi do kiến mà đoạn bị hủy hoại đến tận cùng. Hàng Nhất lai không lui sụt pháp, thì sáu phẩm tâm ba cõi do kiến mà đoạn và tâm cõi Dục do tu mà đoạn bị hủy hoại đến tận cùng. Hàng Bất hoàn không lui sụt pháp, thì tâm nhiễm ô của ba cõi do kiến mà đoạn và tâm cõi Dục do tu mà đoạn bị hủy hoại đến tận cùng. Bậc A-la-hán không lui sụt pháp, tâm nhiễm ô của ba cõi do kiến và tu mà đoạn bị hủy hoại đến tận cùng. Hàng dị sinh lia dục nhiễm không lui sụt pháp, tâm nhiễm ô của cõi Dục bị hủy hoại đến tận cùng. Cho đến hàng lia nhiễm của cõi Vô sở hữu xứ, thì tâm nhiễm ô của tám địa bị hủy hoại đến tận cùng.

Tôn giả Thế Hữu nói rằng: “Nếu ý gặp được duyên hòa hợp thì không gọi là bị hủy hoại, nếu không gặp được duyên hòa hợp thì gọi là bị hủy hoại.” Lại đưa ra nói như vậy: “Nếu ý không bị nhân trái ngược nhau làm cho chướng ngại thì không gọi là hủy hoại, nếu bị nhân trái ngược nhau làm cho chướng ngại thì gọi là hủy hoại.”

Vì sao cùng tế thì ngã quý đến chứ không phải là các nẻo khác? Cho đến nói rộng ra.

Hỏi: Tại sao soạn ra luận này?

Đáp: Bởi vì giải thích nghĩa lý trong kinh. Như trong kinh nói: “Bà-la-môn Sinh Văn đi đến chỗ Đức Phật, thưa với Đức Phật rằng: Thưa Đức Kiều Đáp Ma! Con có người thân thuộc mạng chung, muốn cúng thức ăn cho họ, người ấy có nhận được thức ăn chúng con cho họ hay không? Đức Thế Tôn bảo rằng: Việc này không nhất định. Nguyên cớ thế nào? Bởi vì các loài hữu tình có năm nẻo riêng biệt, nếu người thân thuộc của ông sinh trong địa ngục, thì ăn thức ăn của địa ngục để tự giữ lấy mạng sống của mình, họ không thể nào nhận được thức ăn của ông. Sinh trong nẻo súc sinh-nẻo trời-nẻo người, cũng lại như vậy. Nếu người thân thuộc của ông sinh trong ngã quý thì có thể nhận được đồ ăn thức uống của ông đã bố thí. Bà-la-môn nói: Nếu người thân thuộc của con không sinh vào nẻo ngã quý, thì đồ ăn thức uống đã bố thí người nào sẽ nhận lấy? Đức Phật nói với người ấy rằng: Trong nẻo ngã quý,

không có người thân thuộc của ông, thì điều này là không có...” Kinh ấy tuy nói như thế, nhưng không nói vì sao cúng tế thì ngạ quỷ đến chứ không phải là các nẻo khác, kinh ấy là nơi căn cứ chủ yếu của luận này, kinh ấy đã không nói đến, nay cần phải nói đến điều ấy, cho nên soạn ra luận này để giải thích về nghĩa trong kinh.

Hỏi: Bà-la-môn ấy vì sao không thưa hỏi Đức Phật là tại sao cúng tế thì ngạ quỷ đến chứ không phải là các nẻo khác?

Đáp: Bởi vì có hai nguyên nhân, nghĩa là người ấy hoặc là lợi căn hoặc là độn căn. Nếu là lợi căn thì tự mình có thể hiểu rõ ràng không cần phải thưa hỏi Đức Phật, nếu là độn căn thì không có thể nảy sinh nghi ngờ cho nên không thưa hỏi Đức Phật.

Hỏi: Vì sao đức Thế Tôn không nói cho người ấy biết về nhân duyên chỉ có bố thí cho loài ngạ quỷ thì đến được?

Đáp: Cũng có hai nguyên nhân, nghĩa là người ấy hoặc là lợi căn hoặc là độn căn. Nếu là lợi căn thì tự mình có thể hiểu rõ ràng không cần phải chờ Đức Phật giải thích; nếu là độn căn thì không phải là pháp khí, cho nên Đức Phật không giải thích cho biết.

Hỏi: Vì sao cúng tế thì ngạ quỷ đến chứ không phải các nẻo khác?

Đáp: Pháp của nẻo ấy vốn như vậy mà cảm được nơi chốn như vậy, làm cho sinh ra phần của mình, vì vậy cúng tế thì đến chứ không phải là nẻo khác. Trong này ý hỏi nẻo này là vì hạ tiện mà đến, hay là vì cao quý mà đến? Giả sử như vậy thì có gì sai? Nếu vì hạ tiện mà đến, thì cúng tế địa ngục và súc sinh ngạ quỷ cũng theo đến. Nếu vì cao quý mà đến, thì cúng tế người và trời, ngạ quỷ cũng theo đến. Trong này ý đáp là không vì hạ tiện mà đến, cũng không vì cao quý mà đến. Nhưng mà do hai nguyên nhân:

1. Bởi vì pháp của nẻo ấy vốn như vậy.
2. Bởi vì nghiệp dị thực.

Trong đó, trước biểu hiện rõ ràng về pháp của nẻo ấy vốn như vậy, nghĩa là pháp của nẻo ngạ quỷ ấy vốn như vậy mà cảm được nơi chốn như vậy, làm cho sinh ra phần của mình, vì vậy cúng tế thì đến chứ không phải là nẻo khác. Vì cần phải làm cho nghĩa này được rõ ràng, cho nên đưa ra thí dụ hiện có của thế gian: Như các loài chim Thiên nga-Nhạn-Khổng tước-Anh vũ-Xá-lợi-Mạng mạng..., tuy như ý tự tại bay lượn giữa hư không, mà uy đức thần lực không lớn hơn con người, nhưng pháp của nẻo ấy vốn như vậy, cảm được nơi chốn như vậy, làm cho sinh ra phần của mình có thể bay lượn giữa hư không. Nẻo ngạ quỷ

cũng như vậy, do sức mạnh của pháp vốn như vậy, cho nên cúng tế thì đến; nẻo khác thì không như vậy. Nghĩa là như các loài chim Thiên nga-Nhạn-Khổng tước... trong nẻo súc sinh, do sức mạnh của pháp nẻo ấy vốn như vậy, có thể bay lượn ở lâu dài giữa hư không; người chơi đùa lia xa thần túc-chú thuật-cỏ thuốc, muốn đứng giữa hư không cách mặt đất bốn ngón tay, trải qua trong chốc lát hãy còn không thể nào được. Nhưng mà uy đức thần lực của nẻo ấy không hơn được con người. Ngạ quỷ cũng như vậy, do sức mạnh của pháp nẻo ấy vốn như vậy, cho nên cúng tế thì đến chứ không phải là nẻo khác. Vì cần phải làm cho nghĩa trước lại rõ ràng hơn, cho nên đưa ra thí dụ thứ hai: Lại như nên loại Na-lạc-ca (địa ngục), có thể nhớ lại đời sống trước kia của mình, cũng biết được tâm kẻ khác. Nên loại súc sinh, nên loại ngạ quỷ, có thể nhớ lại đời sống trước kia của mình, cũng biết được tâm kẻ khác, và dấy lên khói lửa, nổi mây làm cho mưa, gây ra nóng-lạnh... tuy có thể làm được việc này, mà uy đức thần lực không lớn hơn con người. Nhưng pháp của nẻo kia vốn như vậy, cảm được nơi chốn như vậy, làm cho sinh ra phần của mình, có thể làm được việc này. Nẻo ngạ quỷ cũng như vậy, do sức mạnh của pháp vốn như vậy, cho nên cúng tế thì đến; nẻo khác thì không như vậy. Trong này, nên loại Na-lạc-ca, có thể nhớ lại đời sống trước kia của mình, thì như trong kinh nói: “Chúng sinh địa ngục dấy lên ý niệm như vậy: Đại đức Sa-môn, bà-la-môn... quán xét về dục có thể gây ra tai họa cho tương lai, là nỗi sợ hãi vô cùng, luôn luôn vì chúng ta nói về pháp đoạn dục, chúng ta tuy nghe mà không có thể đoạn được, nay bởi vì dục cho nên nhận chịu khổ não vô cùng. Lại dấy lên nghĩ rằng: Chúng ta xưa kia đối với những Sa-môn-Bà-la-môn tịnh hạnh, gây ra ác hạnh tà vạy, bởi vì điều ấy làm nhân mà nay phải nhận chịu khổ đau này.”

Hỏi: Chúng sinh kia vào lúc nào có thể dấy lên ý niệm ấy?

Đáp: Vào lúc ban đầu sinh ra chứ không phải là thời gian giữa và sau. Nguyên cơ thế nào? Bởi vì chúng sinh lúc ban đầu sinh ra chưa nhận chịu đau khổ, có thể dấy lên ý niệm ấy; nếu nhận chịu đau khổ, thì những cảm thọ của đời hiện tại hãy còn không thể nào nhớ lại được, huống là những cảm thọ trước kia ư?

Hỏi: Chúng sinh ấy trú trong tâm nào có thể dấy lên ý niệm ấy, là thiện-là nhiễm ô hay là vô phú vô ký?

Đáp: Cả ba loại đều có thể.

Hỏi: Vô phú vô ký nào?

Đáp: Oai nghi lộ chứ không phải là công xảo xứ, bởi vì chúng sinh

ấy không có sự việc công xảo; chẳng phải là dị thực sinh, bởi vì tâm dị thực của chúng sinh ấy là năm thức.

Hỏi: Chúng sinh ấy suy nghĩ như vậy, là thuộc về phạm vi của ý (ý địa) hay là năm thức thân?

Đáp: Thuộc về phạm vi của ý, không phải là năm thức thân, bởi vì trong năm thức không có sự phân biệt này.

Hỏi: Chúng sinh ấy suy nghĩ như vậy là nhớ lại mấy đời?

Đáp: Chúng sinh ấy chỉ nhớ lại nên đời, đó là từ nơi chết đi sinh đến nơi này. Có người nói: Có thể nhớ lại nhiều đời cho đến năm trăm đời. Cũng biết được tâm kẻ khác, nhưng không có sự việc có thể biểu hiện.

Hỏi: Chúng sinh ấy vào lúc nào có thể biết được tâm kẻ khác?

Đáp: Chỉ có lúc ban đầu sinh ra. nguyên cơ thế nào? Bởi vì nếu nhận chịu đau khổ thì tâm sẽ buồn bực hỗn loạn.

Hỏi: Chúng sinh ấy trú trong tâm nào mà biết được tâm kẻ khác?

Đáp: Trú trong ba tánh của tâm cũng có thể biết được.

Hỏi: Vô phú vô ký nào?

Đáp: Oai nghi lộ chứ không phải là công xảo xứ, dị thực sinh nói như trước.

Hỏi: Là thuộc về phạm vi của ý, hay là năm thức thân?

Đáp: Thuộc về phạm vi của ý, không phải là năm thức thân, bởi vì năm thức thân chuyên với sắc pháp.

Nên loại súc sinh có thể nhớ lại đời sống trước kia của mình thì như trong kinh nói: “Bà-la-môn bảo với con chó Hưởng Khư rằng: Nếu như là Đao-đề-da cha tôi, thì hãy bước lên chỗ ngồi này! Con chó ấy liền bước lên chỗ ngồi. Lại nói với nó rằng: Nếu như là Đao-đề-da cha tôi, thì hãy ăn cơm này! Con chó ấy liền ăn cơm. Lại tiếp tục nói rằng: Nếu như là Đao-đề cha tôi, thì lúc ông mạng chung đã cất giấu tài sản châu báu, nay hãy chỉ cho tôi biết. Con chó ấy liền chỉ rõ.”

Hỏi: Lúc nào có thể nhớ lại sự việc trong đời sống được kia của mình? Đáp: Cả ba thời gian đầu-giữa và sau đều có thể nhớ lại. Hỏi: Trú tâm nào mà nhớ lại?

Đáp: Trú trong ba tánh của tâm.

Hỏi: Vô phú vô ký?

Đáp: Oai nghi lộ-công xảo xứ-dị thực sinh, đều có thể nhớ lại.

Hỏi: Lúc này ở thức nào?

Đáp: Thuộc về phạm vi của ý, không phải là năm thức thân.

Hỏi: Có thể nhớ lại mấy đời?

Đáp: Có người nói: Chỉ có thể nhớ lại nên đời, đó là từ nơi chết đi sinh đến nơi này. Có người nói: Có thể nhớ lại nhiều đời cho đến năm trăm đời. Làm sao biết như vậy? Truyền thuyết như vậy: “Có nên người phụ nữ đặt đức bé ở nên nơi, có việc đi nơi khác. Chốc lát có con sói công đưa bé ấy đi mất, mọi người đuổi theo bắt mà nói với con sói rằng: Nay ông tại sao công con trẻ của người ta đi vậy? Con sói nói: Người phụ nữ này trong năm trăm đời nay thường giết hại con tôi, tôi cũng ở trong năm trăm đời ấy thường giết hại con của người ấy, nếu người ấy có thể rời bỏ tâm niệm thù oán xưa kia, thì tôi cũng rời bỏ tâm niệm thù oán này. Người phụ nữ nói: Đã rời bỏ. Con sói quán xét người phụ nữ này miệng tuy nói rời bỏ mà tâm không rời bỏ, lập tức đoạn mạng sống của đứa trẻ ấy mà bỏ đi.” Cũng biết được tâm kẻ khác, nghĩa là nẻo súc sinh cũng biết được tâm kẻ khác, tức là như con sói kia biết được việc trong tâm của người phụ nữ.

Hỏi: Lúc nào có thể biết được?

Đáp: cả ba thời gian đều biết được.

Hỏi: Trú tâm nào biết được?

Đáp: Trú trong ba tánh của tâm.

Hỏi: Vô phú vô ký nào?

Đáp: Oai nghi lộ-công xảo xứ-dị thực sinh, đều có thể biết được.

Hỏi: Lúc này ở thức nào?

Đáp: Thuộc về phạm vi của ý, không phải là năm thức thân.

Nên loại nạ quý có thể nhớ lại đời sống trước kia của mình, như có tụng nói: “Xưa kia tôi tích góp tài sản, đúng pháp hoặc là không đúng pháp. Nay người khác được giàu vui sướng, nên mình tôi chịu kiếp nghèo khổ.”

Hỏi: Lúc nào có thể nhớ lại?

Đáp: Cả ba thời gian đều có thể nhớ lại.

Hỏi: Trú tâm nào nhớ lại?

Đáp: Trú trong ba tánh của tâm.

Hỏi: Vô phú vô ký nào?

Đáp: Ba loại như nói ở trước.

Hỏi: Lúc này ở thức nào?

Đáp: Thuộc về phạm vi của ý, không phải là năm thức thân.

Hỏi: Có thể nhớ lại mấy đời?

Đáp: Thuộc về phạm vi của ý, không phải là năm thức thân.

Hỏi: Có thể nhớ lại mấy đời?

Đáp: Cho đến năm trăm đời. Làm sao biết như vậy? Nghe người

ta truyền nhau rằng: “Có nên người phụ nữ bị quỷ bắt giữ, gây yếu khốn đốn sắp chết, thầy chú thuật nói rằng: Nay ông vì sao làm náo lòng người phụ nữ ấy vậy? Quỷ nói: Người phụ nữ này trong năm trăm đời nay thường làm hại mạng sống của tôi, tôi cũng ở trong năm trăm đời ấy thường làm hại mạng sống của người kia, nếu người kia có thể rời bỏ tâm niệm thù oán trước đây, thì tôi cũng rời bỏ tâm niệm thù oán này. Người phụ nữ nói: Đã rời bỏ. Con quỷ quán xét người phụ nữ này miệng tuy nói rời bỏ mà tâm không rời bỏ, tức thì làm hại mà bỏ đi.’ Cũng biết được tâm kẻ khác, tức là như con quỷ ấy biết được việc trong tâm của người phụ nữ.

Hỏi: Lúc nào có thể biết được?

Đáp: Cả ba thời gian đều có thể biết được.

Hỏi: Trú tâm nào biết được?

Đáp: Trú trong ba tánh của tâm.

Hỏi: Vô phú vô ký nào?

Đáp: Ba loại như nói ở trước.

Hỏi: Lúc này ở thức này?

Đáp: Thuộc về phạm vi của ý, không phải là năm thức thân. Và dấy lên khói lửa, nổi mây làm cho mưa, gây ra nóng-lạnh..., thì điều này chỉ riêng nẻo súc sinh có thể, chứ không là loài nào khác.

Hỏi: Nếu như vậy thì trong kinh nói phải làm sao hiểu thông? Như nói: “Có loài trời có thể nổi mây, có loài trời có thể tuôn mưa, có loài trời gây ra nóng lạnh, có loài trời nổi lên gió bão sấm sét.”

Đáp: Nên biết rằng kinh ấy nói rồng là trời. Như kinh khác nói: “Đức Phật bảo A-nan: Ông xem trời mưa hay là không mưa vậy?” Đó cũng là đối với rồng lấy âm Thiên mà nói.

Hỏi: Dấy lên khói lửa..., là nhiều rồng làm ra hay là nên rồng làm ra?

Đáp: Nên rồng cũng có thể được.

Hỏi: Nếu như vậy thì tại sao kinh nói thế này: “Có loài trời có thể nổi mây, có loài trời có thể tuôn mưa ...”

Đáp: Tùy theo những sự việc thích hợp riêng biệt mà nói như thế, nghĩa là hoặc có loài rồng chỉ thích nổi mây, hoặc lại có loài rồng chỉ thích tuôn mưa, còn lại cũng như vậy. Trong này, những sự việc như khói lửa-mây mưa... đều là do gia hạnh của loài rồng mà dẫn phát, chỉ là quả Sĩ dụng gần kề của loài rồng ấy. Nếu từ cung của loài rồng mà nước tuôn ra, thì không phải là gia hạnh của loài rồng ấy đã dẫn phát, mà chính là quả Tăng thượng giống nhau của tất cả hữu tình. Như các

nẻo địa ngục-súc sanh..., nhờ vào sức mạnh của pháp từng nẻo vốn như vậy, tuy có những sự việc như đã nói ở trên, mà uy đức thần lực không ớn hơn con người. Nẻo quỷ cũng như vậy, do sức mạnh của pháp nẻo ấy vốn như vậy, cho nên cúng tế thì đến chứ không phải là những nẻo khác. Lại có người nói: Năm nẻo đều có sự việc thù thắng do pháp vốn như vậy. Có nghĩa là những sắc dị thực của nẻo địa ngục đoạn hết rồi vẫn nối tiếp, nẻo khác thì không như vậy. Trong nẻo súc sinh có những sự việc như có thể bay giữa hư không-nổi mây tuông mưa..., trong nẻo ngựa quỷ thì cúng tế liền đến, nẻo người có thể tiếp nhận giới thiện-giới ác, tu phẩm thiện thù thắng, dũng mãnh-nhớ chắc, trí lực sâu xa; trong nẻo trời thì trời Dục tùy theo những nhu cầu của mình thuận với ý niệm thì đến, trời Sắc-Vô sắc có đời sống thù thắng-pháp định thù thắng. Lại có người nói: Các phương cũng có sự việc thù thắng do pháp vốn như vậy. Nghĩa là nước Chi-na tuy là hạng nô bộc nhưng áo quần đều là lụa gấm rực rỡ, phương khác sang trọng hơn mà không thể sánh được; các nước như Ấn-độ... cho đến hạng bần tiện cũng mặc áo vải bông, người sang trọng ở phương khác cũng không thể nào sánh được; trong nước Ca-thấp-di-la vào mùa Thu thì cỏ trâu đeo vòng hoa đẹp của loại cây Uất-kim, người đẹp của phương khác cũng không thể nào sánh được; người nghèo ở phương Bắc uống rượu Bồ đào, người giàu ở phương khác cũng không thể nào sánh được. Như các phương có sự việc thù thắng do pháp vốn như vậy; ngựa quỷ cũng như vậy, cho nên cúng tế thì đến. Có người nói: Pháp vốn như vậy của các nẻo có khác nhau, nghi là trong bốn nẻo thì mỗi nẻo đều có trí đạt được từ nơi sinh, chỉ riêng nẻo người không có, ba nẻo ác thì có. Nói rộng ra như trước.

“Tôi bố thí khu rừng Thệ đa, được đấng Đại pháp vương an trú, Hiền Thánh Tăng tiếp nhận sử dụng, cho nên tâm tôi rất hoan hỷ.”

Họ cũng biết được tâm người khác, nhưng mà không có sự việc biểu hiện có thể nói như lúc nào nhớ biết... Như súc sinh và ngựa quỷ tùy theo sự thích hợp nói rộng ra.

Hỏi: Sinh nơi này đạt được trí thì nhớ biết được mấy nẻo?

Đáp: Có người nói tất cả chỉ tự nhớ biết về mình. Có người nói địa ngục chỉ nhớ biết ở địa ngục, súc sinh nhớ biết hai nẻo, ngựa quỷ nhớ biết ba nẻo, trời nhớ biết năm nẻo.

Hỏi: Nếu súc sinh không biết được trời, thì luận Thi Thiết nói phải thông hiểu thế nào? Như nói: “Long vương Thiện Trú... biết rõ tâm niệm của Đế Thích...”

Đáp: Đây là Tỷ lượng mà biết chứ không phải là Hiện lượng mà biết, cho nên không có lỗi trái ngược nhau. Nói như vậy thì điều này là không nhất định, bởi vì như sói và quỉ nhớ biết con người.

Hỏi: Vì sao nẻo người không có trí này?

Đáp: Chẳng phải ruộng đất, chẳng phải đồ dùng, cho đến nói rộng ra. Lại nữa, nẻo người có trí bói tướng, trí nhìn thấy tướng ngôn từ, trí do tánh vốn có suy nghĩ sinh ra, trí thệ nguyện tuyệt vời..., nhưng bởi vì bị che lấp ẩn kín. Như trí đạt được từ nơi sinh, những nẻo khác đều có, chỉ riêng nẻo người không có. Như vậy thì cúng tế, chỉ riêng nẻo quỉ đến được, những nẻo khác thì không như vậy.

Như vậy đã biểu hiện rõ ràng do sức mạnh của pháp vốn có ở mỗi nẻo, cho nên cúng tế thì nẻo quỉ đến chứ không phải là những nẻo khác. Nay sẽ biểu hiện rõ ràng do dị thực của nghĩa. Lại nữa, có người đem dài luôn luôn dấy lên mong muốn như vậy: Yêu thương vui sướng như vậy thì mình sẽ lấy vợ, cưới vợ cho con, cưới vợ cho cháu, khiến con cháu sinh sôi nối tiếp nhau không ngừng, mình mạng chung rồi nếu sinh vào nẻo quỉ, thì con cháu nghĩ đến mình cho nên sẽ cúng tế mình. Do người ấy đem dài luôn luôn có mong muốn vui sướng này, cho nên cúng tế thì đến chứ không phải là gì khác. Nghĩa là người ấy đã khởi lên sự mong muốn vui sướng như vậy, khiến cho phát ra các nghĩa sinh trong nẻo quỉ, cho nên cúng tế thì đến chứ không có gì khác. Như người trong các thôn xóm-thành ấp, hoặc bởi vì con cháu không đoan tuyệt, hoặc bởi vì tài sản ngày càng nhiều lên, hoặc bởi vì danh tiếng giàu có lưu truyền lâu dài, dùng mọi cách bất hợp pháp tích chứa các vật như tiền bạc châu báu-trâu dê-ruộng đất..., đối với thân thuộc của mình hãy còn không muốn giúp cho, huống là giúp cho người khác hay sao? Người ấy vì tâm tham lam keo kiệt ràng buộc suốt đời, cho nên xả bỏ đồng phần của con người thì sinh trong nẻo quỉ, ở nơi bất tịnh như nhà xí-hầm nước trong khu vực gia đình của mình, họ có thân thuộc không quên truy tìm mà sinh ra đau khổ, dấy lên ý niệm như vậy: Người thân của mình đã chết tích chứa tài sản tự mình đã không hưởng thụ sử dụng, cũng không giúp cho người khác, nay sinh đến chỗ nào? Thế là tập trung bà con làng xóm, mời các vị Sa-môn-Bà-la-môn..., tổ chức pháp hội bố thí long trọng, nguyện cầu điều này sẽ giúp cho người quá vắng rời xa đau khổ được hưởng vui sướng. Lúc ấy nẻo quỉ ở đại trú xứ của mình, thấy sự việc như vậy, đối với bà con thân thuộc của mình sinh ra ý tưởng quyến thuộc, đối với tài sản đồ vật ấy sinh ra ý tưởng của mình có, tức thì hoan hỷ; đối với ruộng phước đã sinh tâm tin tưởng cung kính, đối với những

việc đã làm ấy khởi lên tâm tùy hỷ, liền được lìa khỏi khổ đau nặng nề. Bởi vì nhân duyên này mà cúng tế thì đến.

Hỏi: Nếu như vậy thì tại sao không nói là người khác tác nghiệp- người khác thọ quả?

Đáp: không phải như thế, bởi vì người kia ở lúc bấy giờ, do sinh tâm cung kính tin tưởng và tùy hỷ, thấy rõ công đức của bố thí và sai lầm tham lam keo kiệt, từ đó tăng trưởng Tư tương ứng với xả, thành tựu nghiệp thuận theo cảm thọ hiện tại (thuận hiện thọ nghiệp) mà đạt được quả của pháp hiện tại (hiện pháp quả).

Tôn giả Thế Hữu nói rằng: “Quả hiện tại đã nhận chịu là do nghiệp trước kia đã dẫn dắt, nghiệp trước kia có chướng ngại bởi vì nghiệp hiện tại bị loại trừ, không có sai lầm là người khác tác nghiệp- người khác thọ quả.” Nghĩa là nọ quý kia đời trước đã tạo nghiệp cảm đến ăn uống, chỉ bởi vì tham lam keo kiệt ngăn cách che phủ tâm tư, đối với những đồ ăn thức uống khởi lên ý tưởng trái ngược, thấy mà không được hưởng thụ sử dụng. Nhưng mà nọ quý kia có hai loại:

1. Thích thanh tịnh.
2. Thích bất tịnh.

Loại thích thanh tịnh ấy, thì bởi vì tham lam keo kiệt cho nên thấy sông chẳng phải là sông, thấy nước trở thành máu, thấy tất cả đồ ăn thức uống đều là bất tịnh. Loại thích bất tịnh thì thấy sông khô cạn, nước mà thấy không có nước, đồ dùng chứa đầy các thức ăn uống nhưng đều thấy là trống rỗng. Nếu bà con họ hàng của họ tổ chức lễ hội bố thí giúp cho họ, thì họ sẽ tin tưởng cung kính khởi tâm tùy hỷ, thấy rõ công đức của bố thí và sai lầm của tham lam keo kiệt, tư duy tương ứng với buông xả, nhờ được tăng trưởng cho nên trừ bỏ cái tưởng nhìn thấy trái ngược; loại thích thanh tịnh thì thấy sông là sông, thấy nước trong ao, đối với các thức ăn uống đều thấy thanh tịnh tuyệt vời; loại thích bất tịnh thì thấy sông dăng tràn, thấy nước là nước, thấy đồ đựng các thức ăn uống thấy đều chứa đầy, do đó bà con xóm làng của họ cúng tế thì đến.

Có người nói như vậy: Người kia ở đời trước cũng có nghiệp cảm đến ăn uống, nhưng bởi vì tham lam keo kiệt đã che lấp mặt mũi, cho nên lúc này cảm được thân tâm yếu hèn kém cõi, những nơi ăn uống nhất định phải có quý thần đại lực sĩ bảo vệ, bởi vì kẻ ấy yếu hèn kém cõi cho nên không thể nào đi đến được, giả sử có đi đến được cũng không dám ăn. Nếu bà con xóm làng của họ tổ chức lễ hội bố thí giúp cho họ, nói rộng cho đến tư duy tương ứng với buông xả, nhờ được tăng trưởng cho nên khiến thân tâm họ chuyển biến được mạnh mẽ hơn hẳn, nhờ đó

có thể đi đến nơi có đồ ăn thức uống, được ăn những đồ ăn thức uống ở đó. Vì nhân duyên này cho nên cúng tế thì đến. Do đó không có sai lầm là người khác tác nghiệp-người khác thọ quả. Đại đức nói rằng: Kẻ ấy trước kia tuy tạo ra nghiệp cảm đến ăn uống, bởi vì bé nhỏ yếu kém cho nên chưa có thể mang lại quả. Nếu bà con xóm giềng của họ tổ chức lễ hội bố thí giúp cho họ, nói rộng cho đến tư duy tương ứng với buông xả được tăng trưởng, cho nên nghiệp đã làm ra trước kia sẽ có thể mang lại quả, vì vậy bà con xóm giềng của họ cúng tế thì đến. Do đó không có sai lầm là người khác tác nghiệp-người khác thọ quả.

Hỏi: Tư duy tương ứng với buông xả được tăng trưởng rồi, là chỉ cảm được lương thực cung cấp đầy đủ, hay là cũng cảm được thân tâm tốt hơn?

Đáp: Hai loại đều cảm được. Thân tâm thù thắng, là buông bỏ sắc-hương-vị-xúc xấu kém, cảm được sắc-hương-vị-xúc tốt đẹp; buông bỏ không có uy đức, cảm được có uy đức. Cảm được lương thực cung cấp đầy đủ, là có được những sự việc như ăn uống-áo quần-vườn rừng- nhà cửa...

Hỏi: Nếu như sinh vào nẻo khác mà bà con thân thuộc vì người đó tu tạo phước đức, thì người đó cũng cảm được hay không?

Đáp: Nếu người đó cũng có thể sinh tâm tin tưởng-cung kính và tùy hỷ, khiến cho tư duy cùng với buông xả được tăng trưởng, thì cũng cảm được phước ấy.

Hỏi: Nếu như vậy thì tại sao trong này không nói?

Đáp: Cần phải nói mà không nói đến, thì nên biết rằng nghĩa này có khác. Có người nói: Trong này thuận theo nhiều phần mà nói, nghĩa là trong nẻo quý có nhiều sự việc này, nẻo khác thì không như vậy có người nói: Vì nẻo quý có nhiều nghiệp như vậy, nghĩa là người tạo ra nghiệp này, phần lớn sinh vào nẻo quý. Có người nói: Bởi vì nẻo quý thường mong cầu ở con người. Có người nói: Nẻo quý bị sự bức bách của đói khát, ở tất cả mọi nơi thường có sự mong muốn no đủ, cho nên chỉ nói đến nẻo quý. Trong này cần phải phân tích về nghĩa của năm nẻo, như sẽ phân biệt rộng hơn trong chương Định uẩn.

